

DỰ THẢO SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
(nguyên tắc sửa đổi bổ sung: theo Luật doanh nghiệp 2014)



Điều lệ hiện hành	Tham chiếu điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi bổ sung (Rà soát lại thứ tự của các điều, các khoản mục của Điều lệ đã sửa, đánh số thứ tự thống nhất theo dạng số)	Ghi chú
Điều lệ này được cổ đông Công ty cổ phần Formach thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức chính thức vào ngày 30 tháng 12 năm 2014.	Trang 4	PHAN MỞ ĐẦU Điều lệ này được cổ đông Công ty Cổ phần Formach thông qua theo các Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020 Công ty Cổ phần Formach thông qua theo Nghị quyết số.....của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 20....	bổ sung thêm phần số lần sửa đổi bổ sung
a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	Điều 1a	1.a "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	Sửa theo Luật DN
b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.	Điều 1b	1.b "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Sửa theo Luật DN
e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.	Điều 1e	1.e: "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại Khoản 7 Điều 4 Luật doanh nghiệp.	Sửa theo Luật DN
f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.	Điều 1f	1.f "Thời hạn hoạt động" là thời hạn được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.	sửa lại câu từ
4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 2.4	2.4. Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là : Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa cho phù hợp
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.2 và Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Điều 2.6	2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.2 và Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Sửa lại cho phù hợp

8	<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 13.044.600.000 VND (Bảng chữ: Mười ba tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng). Trong đó: Vốn góp của Nhà nước do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam quản lý là: 3.624.100.000 VND (Bảng chữ: Ba tỷ, sáu trăm hai mươi tư triệu, một trăm ngàn đồng); Vốn góp của các cổ đông khác là: 9.420.500.000 VND (Bảng chữ: Chín tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, năm trăm ngàn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 130.446 cổ phần với mệnh giá là 100.000 đồng/01 cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty đính kèm.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp</p>	Điều 5	<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu 5.1. Vốn điều lệ của Công ty là 13.044.600.000 VND (Bảng chữ: Mười ba tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Số chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty phát hành gọi là cổ phiếu. Số lượng cổ phần sở hữu ghi trên sổ chứng nhận nhân với mệnh giá của một cổ phần là giá trị vốn góp của Cổ đông tại Công ty. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.304.406 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>5.2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5.3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ Công ty.</p> <p>5.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>5.6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>5.7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua</p>	Sửa cho phù hợp
9				Sửa cho phù hợp

<p>đồng hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>		<p>bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Sửa cho phù hợp</p>
<p>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6</p> <p>2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ có phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ,</p>	<p>Điều 6</p>	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p> <p>6.1. Hình thức cổ phiếu: Cổ phiếu do Công ty phát hành dưới dạng Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, trên đó thể hiện các bút toán ghi số số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu tại Công ty.</p> <p>6.1.1. Số chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.1.2. Số chứng nhận sở hữu cổ phần có các nội dung chủ yếu sau: [d1]</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty; + Số lượng cổ phần và loại cổ phần. + Mệnh giá mỗi cổ phần. + Tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức. + Tóm tắt một số quy định chung. + Chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Công ty. + Số đăng ký tại Sở đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. <p>6.2. Trường hợp cổ phiếu bị mờ, bị mất, bị rách, bị chấy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được</p>	<p>Sửa cho phù hợp</p>

<p>người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.</p> <p>6.2.1. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp đã bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy; + Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. <p>Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười làm ngày, kể từ đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.</p> <p>6.2.2. Cổ đông phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan khi tiến hành việc đổi hoặc cấp lại. Chi phí này do Công ty quy định.</p>
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>11.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>11.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>11.2.1. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;</p> <p>11.2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>11.2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>11.2.4. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi</p>	<p>Điều 11</p> <p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

Sửa theo Luật DN, cho phù hợp và để tra cứu

và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 23.4 và Điều 34.3

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 79 Luật doanh nghiệp);

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

các thông tin không chính xác;

11.2.5 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

11.2.6 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

11.2.7 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

11.2.8 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

11.3.1 Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số thành viên được bầu quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

11.3.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp);

11.3.3 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy